

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung

Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

3. Nghị định số 15/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2024.

4. Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Chính phủ ban hành Nghị định về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung¹.

¹ Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định:

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng”.

Nghị định số 89/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.”

Nghị định số 15/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.”

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 61/2014/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng”.

a) Điều kiện, thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại;

b) Việc sử dụng thương hiệu, nhượng quyền thương mại của doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không và doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại.

2. Nghị định này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại; kinh doanh vận chuyển hàng không, hoạt động hàng không chung.

3. Trong Nghị định này, doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không, doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại được gọi chung là hãng hàng không.

Điều 2. Nội dung kinh doanh vận chuyển hàng không, hoạt động hàng không chung

1. Kinh doanh vận chuyển hàng không bao gồm hoạt động vận chuyển hàng không, quảng cáo, tiếp thị, bán sản phẩm vận chuyển hàng không trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

2. Hoạt động hàng không chung bao gồm các loại hình sau đây:

a) Kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại là hoạt động quảng cáo, tiếp thị, bán, thực hiện dịch vụ hàng không chung nhằm mục đích sinh lợi;

b) Hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại là hoạt động hàng không chung phục vụ cho hoạt động của tổ chức, cá nhân không nhằm mục đích sinh lợi.

Điều 3. Cơ quan xây dựng, ban hành quy hoạch phát triển và thẩm định cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận

1. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các tổ chức, cá nhân liên quan xây dựng quy hoạch phát triển các hãng hàng không Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại, Giấy chứng nhận đầu tư hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

3. Cục Hàng không Việt Nam là cơ quan thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện việc thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại.

4. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại (không bao gồm các hoạt động của tàu bay không người lái và phương tiện bay siêu nhẹ).

Điều 4. Hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài

1. Hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, đầu tư và doanh nghiệp.

2. Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư có vốn đầu tư nước ngoài đồng thời là Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại.

Điều 4a.² Nguyên tắc về thực hiện thủ tục hành chính

1. Mẫu đơn, tờ khai, thành phần hồ sơ có quy định về các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì các thông tin này được thay thế bằng mã số định danh cá nhân hoặc mã số chuyên ngành thể hiện trong mẫu đơn, tờ khai khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành.

2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được trả bằng bản điện tử; trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận bản giấy thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm trả đồng thời cả bản điện tử và bản giấy. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng văn bản giấy.

Chương II

GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG VÀ GIẤY PHÉP KINH DOANH HÀNG KHÔNG CHUNG VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Điều 5.³ (được bãi bỏ)

Điều 6.⁴ (được bãi bỏ)

Điều 7.⁵ (được bãi bỏ)

Điều 8.⁶ (được bãi bỏ)

² Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 118 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

³ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

⁵ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Điều 20.¹⁸ (được bãi bỏ)

¹⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Chương III

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Điều 21. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại được cấp cho tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại.

2. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại:

a) Đối tượng được cấp: Pháp nhân Việt Nam; tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính tại Việt Nam; văn phòng đại diện hoặc chi nhánh của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam; công dân nước ngoài thường trú tại Việt Nam;

b) Có tàu bay khai thác;

c) Có cơ sở bảo dưỡng tàu bay hoặc có hợp đồng dịch vụ với cơ sở bảo dưỡng tàu bay được Bộ Giao thông vận tải cấp hoặc công nhận;

d) Thành viên tổ lái được cấp Giấy phép, chứng chỉ phù hợp;

đ) Loại hình hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại dự định thực hiện phù hợp chức năng hoạt động của tổ chức, nhu cầu riêng của cá nhân đề nghị cấp;

e) Đáp ứng yêu cầu đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia.

3. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại¹⁸

1. Người nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau đây:

¹⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 89/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

¹⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 89/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại theo Mẫu số 06 hoặc theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục của Nghị định này đối với trường hợp cấp lại;

b)²⁰ Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập, Giấy phép hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức).

Không yêu cầu nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khai thác được thông tin về đăng ký doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

c) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các tài liệu sau: Thẻ thường trú tại Việt Nam (đối với công dân nước ngoài thường trú tại Việt Nam); Giấy phép thành lập văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam (đối với văn phòng đại diện và chi nhánh của tổ chức nước ngoài);

d) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các loại tài liệu sau: Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay, Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của tàu bay;

đ) Bản chính Phương án khai thác, bảo dưỡng tàu bay;

e) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) các loại tài liệu sau: Giấy phép, chứng chỉ phù hợp của thành viên tổ bay;

g) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) Giấy phép hoạt động của cơ sở bảo dưỡng tàu bay;

h) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) hợp đồng thuê bảo dưỡng tàu bay trong trường hợp thuê dịch vụ bảo dưỡng.

Điều 23. Thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

1.²¹ Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ

²⁰ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 114 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

và có văn bản lấy ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) về tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hàng không chung, loại tàu bay, khu vực bay hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

2. Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) có trách nhiệm trả lời Cục Hàng không Việt Nam trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục của Nghị định này sau khi có ý kiến chấp thuận của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên doanh nghiệp, tên giao dịch, địa điểm trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật của tổ chức;

b) Họ tên; ngày tháng năm sinh; quốc tịch; số, nơi cấp và ngày cấp chứng minh nhân dân hoặc số, nơi cấp và ngày cấp hộ chiếu, nơi cư trú của cá nhân;

c) Số và ngày cấp của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại;

d) Loại hình hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại được thực hiện;

đ) Cảng hàng không, sân bay dự định làm sân bay căn cứ của tàu bay;

e) Số lượng, chủng loại, số hiệu đăng ký của tàu bay khai thác.

Điều 24. Hủy bỏ, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại bị hủy bỏ trong các trường hợp sau đây:

a) Không đáp ứng đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký;

b) Hoạt động sai mục đích hoặc không đúng với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký;

c) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về hoạt động hàng không chung;

d) Hoạt động hàng không chung gây ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng, lợi ích công cộng và trật tự xã hội;

đ) Cố ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ đăng ký;

²¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 115 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

e) Tổ chức không còn tồn tại; cá nhân bị chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

g) Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại muốn sửa đổi nội dung của Giấy chứng nhận phải làm hồ sơ đề nghị và gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm:

a) Bản chính văn bản đề nghị đăng ký thay đổi theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục của Nghị định này;

b) Các tài liệu liên quan đến các nội dung thay đổi.

3.²² Thủ tục thẩm định, cấp lại do thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và có văn bản lấy ý kiến của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) về tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hàng không chung, loại tàu bay và khu vực bay hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do.

b) Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) có trách nhiệm trả lời Cục Hàng không Việt Nam trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi có ý kiến chấp thuận của Cục Tác chiến (Bộ Quốc phòng) hoặc thông báo từ chối cấp lại Giấy chứng nhận cho người nộp hồ sơ và nêu rõ lý do

4. Trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hủy bỏ, Cục Hàng không Việt Nam ra văn bản hủy bỏ Giấy chứng nhận và tổ chức, cá nhân liên quan phải chấm dứt ngay các hoạt động hàng không chung; tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết các hợp đồng liên quan đã ký trước khi Giấy phép bị hủy bỏ.

Chương IV

THƯƠNG HIỆU VÀ NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI

Điều 25. Thương hiệu của hãng hàng không

1. Hãng hàng không phải xây dựng thương hiệu riêng của hãng, bao gồm: Tên thương mại, nhãn hiệu.

²² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 116 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

2. Nhãn hiệu là tập hợp những dấu hiệu riêng biệt của một hãng hàng không, bao gồm nhãn hiệu kinh doanh, hình vẽ, màu sắc, ký hiệu, các dấu hiệu có thể nhìn thấy và được sử dụng để nhận dạng, phân biệt hãng hàng không, các dịch vụ của hãng hàng không đó với hãng hàng không khác trong kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại.

Điều 26. Sử dụng thương hiệu

1. Tên thương mại hoặc nhãn hiệu hoặc tên thương mại và nhãn hiệu của hãng hàng không phải được thể hiện trên biển hiệu, bên ngoài tàu bay sử dụng trong kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại của hãng.

2. Hãng hàng không không được:

a) Sử dụng thương hiệu gây nhầm lẫn với hãng hàng không khác;

b) Sử dụng thương hiệu của hãng hàng không khác cho dịch vụ vận chuyển, dịch vụ hàng không chung của mình, trừ các trường hợp được quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 của Điều này;

c) Hãng hàng không không được sử dụng thương hiệu mà hãng hàng không khác từng sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày thương hiệu từng sử dụng đó bị chấm dứt sử dụng.

3. Hãng hàng không Việt Nam được phép sử dụng tàu bay gắn thương hiệu của hãng hàng không khác cho hoạt động khai thác vận chuyển hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không chung trong các trường hợp sau:

a) Thuê tàu bay với tổng thời gian khai thác không quá 06 tháng trong khoảng thời gian 12 tháng liên tục;

b) Tàu bay dùng chung của nhóm công ty theo hình thức công ty mẹ - công ty con theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

4. Hãng hàng không Việt Nam chỉ được phép sử dụng tàu bay gắn thương hiệu chung của liên minh hãng hàng không mà hãng hàng không đó là thành viên với điều kiện thương hiệu đó không phải là thương hiệu riêng của một hãng hàng không nào khác.

5. Việc sử dụng thương hiệu quy định tại Điểm a Khoản 3 của Điều này phải được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận theo thủ tục chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay theo quy định của pháp luật.

6.²³ (được bãi bỏ)

7.²⁴ (được bãi bỏ)

²³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 117 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

²⁴ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 117 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

8.²⁵(được bãi bỏ)

Điều 27. Nhượng quyền thương mại

Hãng hàng không không được phép thực hiện nhượng quyền kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại tại Việt Nam cho hãng hàng không khác.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, hãng hàng không đang kinh doanh vận chuyển hàng không, doanh nghiệp đang kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại phải đáp ứng điều kiện về đội tàu bay, vốn pháp định quy định tại Khoản 3 Điều 6 và Điều 8 của Nghị định này.

Điều 29. Hiệu lực thi hành²⁶

²⁵ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 117 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

²⁶ Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định như sau:

“Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Nghị định này bãi bỏ:

a) Điều 5 đến Điều 19 Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

b) Điều 36, Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1, 2 Điều 39 Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

Điều 3 của Nghị định số 89/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

2. Bãi bỏ Điều 13, Điều 17 của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

3. Bãi bỏ Điều 20 Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung./.”

Điều 3 của Nghị định số 15/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2013 và thay thế Nghị định số 76/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

Điều 30. Tổ chức thực hiện²⁷

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung và Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng thương hiệu đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục có giá trị đến khi Giấy chứng nhận bị hủy bỏ.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

Điều 137 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026 có quy định như sau:

“Điều 137. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 138 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Điều 38 và khoản 2 Điều 43 của Nghị định này có hiệu lực thi hành khi Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành và có hiệu lực thi hành./.”

²⁷ Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định như sau:

“3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

Điều 4 Nghị định số 89/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 quy định như sau:

“Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Giao thông vận tải tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 15/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2024 quy định như sau:

“3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

Điều 139 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026 có quy định như sau:

“Điều 139. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ XÂY DỰNG

Số: /VBHN-BXD

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, PC (01).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ)

Mẫu số 01 ²⁸	Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy chứng nhận đầu tư hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu số 02 ²⁹	Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại/Giấy chứng nhận đầu tư hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu số 03 ³⁰	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung
Mẫu số 04 ³¹	Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại/Giấy chứng nhận đầu tư hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu số 05 ³²	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không/Giấy phép kinh doanh hàng không chung vì mục đích thương mại/Giấy chứng nhận đầu tư hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài
Mẫu số 06 ³³	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung
Mẫu số 07 ³⁴	Đơn đề nghị chấp thuận chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài

²⁸ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

²⁹ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

³⁰ Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 15/2024/Đ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2024.

³¹ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

³² Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

³³ Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 15/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2024.

³⁴ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Mẫu số 08 ³⁵	Đơn đề nghị đăng ký sử dụng thương hiệu
Mẫu số 09 ³⁶	Giấy chứng nhận đăng ký thương hiệu
Mẫu số 10 ³⁷	Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung

³⁵ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

³⁶ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

³⁷ Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 15/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2024.

Mẫu số 01³⁸ (được bãi bỏ)

Mẫu số 02³⁹ (được bãi bỏ)

Mẫu số 04⁴⁰ (được bãi bỏ)

Mẫu số 05⁴¹ (được bãi bỏ)

Mẫu số 07⁴² (được bãi bỏ)

³⁸ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

³⁹ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

⁴⁰ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

⁴¹ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

⁴² Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Mẫu số 03⁴³

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(tên cơ quan thẩm định hoặc cấp
Giấy đăng ký)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Số:

Ngày cấp:

Ngày cấp bổ sung lần thứ nhất:

Ngày cấp bổ sung lần thứ hai:

1. Tên tổ chức (đối với tổ chức):

2. Số và ngày cấp Giấy phép thành lập, Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức):

3. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, chỗ ở hiện tại (đối với cá nhân):

4. Tên giao dịch (đối với tổ chức):

5. Địa điểm trụ sở chính (đối với tổ chức):

6. Nhãn hiệu của tổ chức hoặc cá nhân:

7. Loại hình hoạt động dự định thực hiện:

8. Cảng hàng không, sân bay căn cứ của tàu bay:

9. Số lượng, chủng loại, số hiệu đăng ký của tàu bay:

10. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu, số và ngày cấp Giấy phép lái tàu bay của thành viên tổ bay:

11. Họ tên, số định danh cá nhân chứng minh nhân dân, chỗ ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):.....

.....

**CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ
QUAN THẨM ĐỊNH HOẶC CẤP
GIẤY ĐĂNG KÝ**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

⁴³ Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 15/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2024.

Mẫu số 06⁴⁴

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
HÀNG KHÔNG CHUNG**

Kính gửi: (tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

Tôi là: *(ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)* Giới tính:

Chức danh:

Ngày tháng năm sinh:/...../..... Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân:

hoặc số Hộ chiếu: Ngày cấp Nơi cấp

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty (đối với tổ chức):

Đề nghị cấp Giấy đăng ký hoạt động hàng không chung với nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp hoặc cá nhân:

2. Địa chỉ trụ sở chính hoặc địa chỉ nơi cư trú:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Giấy phép thành lập hoặc Giấy phép hoạt động hoặc mã số doanh nghiệp (đối với tổ chức):

3. Nhãn hiệu của tổ chức hoặc cá nhân:

4. Loại hình dự kiến hoạt động:

5. Cảng hàng không, sân bay căn cứ:

6. Số lượng, chủng loại, số hiệu đăng ký tàu bay:

7. Họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, số định danh cá nhân chứng minh nhân dân/hộ chiếu, số và ngày cấp Giấy phép lái tàu bay của thành viên tổ bay:

.....

8. Họ tên, số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu, chỗ ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

⁴⁴ Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 15/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2024.

.....

.

Tôi và các thành viên cam kết:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp chính xác, trung thực của nội dung đề nghị cấp giấy phép.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LÀM ĐƠN

*(Trường hợp biểu mẫu giấy: ký, đóng
dấu và ghi rõ họ tên/ Trường hợp biểu
mẫu điện tử: ký số hợp lệ của tổ chức,
cá nhân)*

Kèm theo Đơn đề nghị:

-
-
-

Hướng dẫn:

- Công dân Việt Nam cung cấp thông tin số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai các thông tin quốc tịch, ngày cấp, nơi cấp, giới tính, chỗ ở hiện tại trong Đơn đề nghị.
- Công dân cung cấp thông tin về Hộ chiếu khai đầy đủ thông tin theo mẫu đơn.

Mẫu số 08⁴⁵ (được bãi bỏ)

Mẫu số 09⁴⁶ (được bãi bỏ)

Mẫu số 10⁴⁷

⁴⁵ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

⁴⁶ Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
HÀNG KHÔNG CHUNG**

Kính gửi: (tên Cơ quan thẩm định hoặc cấp Giấy đăng ký)

Tôi là: *(ghi rõ họ tên bằng chữ in hoa)* Giới tính:

Chức danh:

Ngày tháng năm sinh: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/chứng minh nhân dân:

hoặc số Hộ chiếu: Ngày cấp Nơi cấp

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Đại diện theo pháp luật của công ty (đối với tổ chức):

**Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung với
những nội dung sửa đổi như sau:**

Nội dung sửa đổi:

Lý do sửa đổi:

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn
đề nghị và tài liệu kèm theo.

....., ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY
(Đối với tổ chức; Trường hợp biểu mẫu)

⁴⁷ Mẫu này được thay thế theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 15/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung và Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2024.

*giấy: ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên/
Trường hợp biểu mẫu điện tử: ký số hợp
lệ của tổ chức)*

NGƯỜI LÀM ĐƠN

*(Trường hợp biểu mẫu giấy: ký, đóng
dấu và ghi rõ họ tên/ Trường hợp biểu
mẫu điện tử: ký số hợp lệ của cá nhân)*

Kèm theo Đơn đề nghị:

-;

-;

-;

Hướng dẫn:

- Công dân Việt Nam cung cấp thông tin số định danh cá nhân hoặc chứng minh nhân dân không cần khai các thông tin quốc tịch, ngày cấp, nơi cấp, giới tính, chỗ ở hiện tại trong Đơn đề nghị.

- Công dân cung cấp thông tin về Hộ chiếu khai đầy đủ thông tin theo mẫu đơn.
